TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/DS-ST
Ngày: 10/3/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên toà: bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2019/TLST–DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hứa Mỹ N**, sinh năm 1989;
Nơi cư trú: Khóm Long Hưng 1, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994;
Nơi cư trú: Ấp VT, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà N có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà N trình bày: Vào ngày 14/11/2019, ông T có hỏi mượn của bà 300.000.000 đồng, nói là để đáo hạn ngân hàng. Do ông T đang hợp tác làm ăn cùng với chồng bà về việc khai thác cát tại xã Vĩnh Trường nên bà tin tưởng, chuyển tiền cho ông T thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 070066094179 của ông T mở tại Ngân hàng Sacombank vào buổi tối cùng ngày. Khi hỏi mượn tiền thì ông T hứa vài ngày sẽ trả nhưng khi bà điện thoại đòi tiền thì ông T tắt điện thoại, khi qua nhà ông T thì chỉ gặp cha ông và được cho hay là bị té xe nhưng sau đó khi hỏi lại mới biết là không có việc này, những lần sau khi bà lên nhà thì gia đình ông T bỏ nhà đi nơi khác. Khi cho mượn tiền thì không có thoả thuận về lãi suất.

Nay yêu cầu ông T phải trả cho bà 300.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày nhận tiền đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn là ông T không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về cách giải quyết vụ án. Tại buổi hoà giải ngày 17/12/2019, bà N yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải với lý do kể từ thời điểm ông T nhận tiền cho đến nay thì lánh mặt, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, điện thoại thì không bắt máy, không có mặt tại địa phương, không có thiện chí trả nợ nên việc hoà giải là không có ý nghĩa. Ông T vắng mặt, không tham gia hoà giải.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú tại địa phương thể hiện ông T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VT, xã VH do ông Nguyễn Hồng Kính là cha ông T làm chủ hộ, tuy nhiên ông đi đâu và làm gì thì không rõ.

Tại phiên tòa:

Bà N yêu cầu ông T trả 300.000.000 đồng và tính lãi trên số vốn theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày 14/11/2019 đến ngày xét xử.

Ông T vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là hoàn toàn đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa và thủ tục xét xử vắng mặt được bảo đảm. Về nội dung vụ án, qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai, kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng tiền vốn, lãi suất theo quy định từ ngày 14/11/2019 và chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu của bà N thể hiện đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T có nơi cư trú tại xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Xuất phát từ sự quen biết trong việc làm ăn, ngày 14/11/2019, ông T có hỏi mượn của bà N 300.000.000 đồng và bà N đã chuyển tiền cho ông T thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản Sacombank số 070066094179 của ông T vào buổi tối cùng ngày. Khi hỏi mượn tiền thì ông T hứa vài ngày sẽ trả nhưng không thực hiện, do vậy bà N khởi kiện yêu cầu ông T trả lại số tiền mà bà đã cho ông mượn.

[3] Khi tham gia giao dịch, các bên là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà N giao nộp và Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cần Thơ cung cấp thể hiện: Ngày 14/11/2019 bà Hứa Mỹ N có thực hiện giao dịch chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng cho ông T qua tài khoản cá nhân 070066094179 do ông T đứng tên, nội dung "N cho T mượn". Kết quả sao kê giao dịch từ ngày 19/10/2019 đến 19/01/2020 do Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cần Thơ và sao kê giao dịch từ ngày 30/10/2019 đến 27/12/2019 do Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh An Giang cung cấp không thể hiện việc ông T có giao dịch chuyển khoản với bà N.

[5] Ông T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, không tham gia hoà giải cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả

tiền cho bà N hay chưa nên xem như ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và Toà án giải quyết vụ án theo chứng cứ thu thập được.

[6] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định ông T còn nợ bà N 300.000.000 đồng chưa thanh toán. Áp dụng khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, buộc ông T phải trả cho bà N 300.000.000 đồng. Phương thức thanh toán sẽ được xem xét, giải quyết tại giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về việc trả lãi: Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự trong trường hợp này ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Bà N yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 14/11/2019 đến ngày xét xử là phù hợp nên chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

300.000.000 đồng x 10% x (118 ngày : 365) = 9.698.630 đồng

[8] Về án phí:

Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp. Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 466 và 469 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Mỹ N.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà N 309.698.630 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Ông T phải chịu 15.485.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú hoàn trả cho bà N số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011631 ngày 02/12/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS H.AP;
- THA H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo